

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 10 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-STP ngày 16/6/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng, UBND các xã Trà Bình, Trà Bùi, Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Trà Bùi.

Xét Báo cáo số 10/BC-ĐTTr ngày 30/9/2021 của Trưởng Đoàn Thanh tra về kết quả thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bùi; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Trà Bùi là một xã miền núi đặc biệt khó khăn của huyện Trà Bồng. Xã có diện tích tự nhiên 5.174 ha. Thành phần dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, dân cư phân bố không tập trung. Điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, hạ tầng giao thông không ổn định, trình độ dân trí còn thấp.

Trong năm qua, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực hộ tịch, chứng thực được lãnh đạo UBND xã Trà Bùi thường xuyên quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện; đã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch phối hợp với các hội đoàn thể của xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung các quy định pháp luật về hộ tịch, chứng thực, đất đai, dân sự, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn; ban hành Kế hoạch rà soát các sự kiện hộ tịch phát sinh trên địa bàn xã để vận động người dân thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật; những trường hợp công dân không đến UBND xã đăng ký hộ tịch, UBND xã cử công chức tư pháp - hộ tịch đến từng thôn để đăng ký, từ đó, các sự kiện hộ tịch phát sinh trên địa bàn được đăng ký kịp thời.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp - hộ tịch, UBND xã Trà Bùi bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn quy định. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, UBND xã trang bị đầy đủ, phục vụ tốt cho nhu cầu công việc.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020), UBND xã Trà Bùi đã thực hiện đăng ký 104 sự kiện hộ tịch và chứng thực 11 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	59	
Trong đó: - Đúng hạn	32	
- Quá hạn	26	
- Đăng ký lại	01	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	18	
Đăng ký kết hôn	10	
Trong đó: - Đăng ký lần đầu	10	
- Đăng ký lại	0	
Đăng ký khai tử	07	
Trong đó: - Đúng hạn	07	
- Quá hạn	0	
- Đăng ký lại	0	
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	10	
Tổng cộng	104	

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Ghi chú
Chuyển nhượng	01	
Tặng cho	02	
Thế chấp	02	
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	06	
Tổng cộng	11	

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kết quả kiểm tra hồ sơ, sổ sách về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND xã Trà Bùi thực hiện. Cụ thể như sau:

1. Ưu điểm

- Sử dụng Sổ đăng ký hộ tịch và Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng biểu mẫu quy định.
- Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đầy đủ.

2. Tồn tại

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

a) Sổ hộ tịch

- 02 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch dùng bút tẩy xóa, sửa chữa nội dung thông tin trong Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch): *“Trong quá trình đăng ký hộ tịch mà có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa. Trường hợp có sai sót bỏ trống trang sổ thì công chức làm công tác hộ tịch phải gạch chéo vào trang bỏ trống. Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót. Công chức làm công tác hộ tịch không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong Sổ hộ tịch”*.

Cụ thể: Sổ đăng ký kết hôn, số 01/2020, dùng bút xóa để sửa chữa; Sổ đăng ký khai sinh, số 25/2020, sửa thông tin về ngày tháng năm sinh nhưng không thực hiện ghi chú trong Sổ.

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, người đi đăng ký không ký tên vào Sổ hộ tịch, vi phạm thủ tục đăng ký hộ tịch. Cụ thể: Tại số đăng ký 05, 06/2020, người đi đăng ký không ký tên vào Sổ thay đổi, cải chính hộ tịch. Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch: *Sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ*

hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

b) Hồ sơ hộ tịch

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký bổ sung thông tin người cha vào Giấy khai sinh của con vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh nhưng không có thông tin về người cha, nay vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục nhận cha, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con.* Cụ thể: Hồ sơ số 07/2020, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không hợp lệ (không có chữ ký của hai bên vợ, chồng) để bổ sung thông tin người cha vào Sổ đăng ký khai sinh, Giấy đăng ký khai sinh của con; hồ sơ số 09/2020, không có thông tin chứng minh người mẹ đã kết hôn với người được bổ sung thông tin vào Giấy khai sinh người con.

- 03 trường hợp, UBND xã đăng ký thay đổi hộ tịch, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *“Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật Hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó”.*

Cụ thể: Hồ sơ số 06, 08, 10/2020, thay đổi họ cho con nhưng không có ý kiến của người cha trong Tờ khai.

- 01 trường hợp, UBND xã đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (hồ sơ số 14/2020, đăng ký khai sinh cho Hồ Thị Nương, sinh ngày 25/12/1995), hồ sơ có văn bản cam đoan về việc chưa đăng ký khai sinh nhưng không có nội dung cam đoan về việc đã nộp đủ giấy tờ mình có. Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: *Hồ sơ đăng ký khai sinh đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gồm có: Tờ khai đăng ký khai sinh, văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh; các giấy tờ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Trình tự giải quyết, nội dung đăng ký khai sinh được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 26 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Khoản 3, Khoản 4 Điều 9, Điều 10 của Thông tư này. Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định: Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cam đoan không đúng sự thật, cố ý chỉ nộp bản sao giấy tờ có lợi để đăng ký lại khai sinh thì việc đăng ký lại khai sinh không có giá trị pháp lý (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP). Như vậy, khi đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân, ngoài việc cam đoan về việc chưa đăng ký khai sinh, còn phải cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có và phải chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.*

- 04 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch không ghi lại thông tin giấy tờ xuất trình để lưu trong hồ sơ là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 04/2020/TT-BTP: *Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.* Cụ thể: Hồ sơ kết hôn số 10/2020; hồ sơ khai tử từ số 05 đến số 07/2020.

- 07 trường hợp, UBND xã đăng ký khai sinh, nội dung Giấy cam đoan về việc sinh không thể hiện ngày tháng năm sinh của người được đăng ký khai sinh. Cụ thể: Hồ sơ số 09, 10, 16, 17, 19, 20, 36/2020, Giấy cam đoan chỉ thể hiện giờ sinh, không thể hiện ngày, tháng, năm sinh.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

a) Về Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

Bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch ghi thông tin ngày mở Sổ là ngày 16/01/2020, ngày khóa Sổ ghi ngày 30/11/2020 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: *“Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu”.* Theo đó, nếu Sổ chứng thực sử dụng ghi số liệu chứng thực thực hiện trong 01 năm thì ngày khóa Sổ là ngày cuối cùng của năm thực hiện chứng thực.

b) Về hình thức, nội dung hợp đồng, giao dịch

01 trường hợp, chứng thực Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, người chưa thành niên ký vào hợp đồng là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 21, khoản 2 Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/quyển số 01/2020-SCT/HĐ,GD, ngày 17/4/2020, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Trà Bông và bên thế chấp là hộ ông Hồ Phi Thư. Trong số các thành viên trong hộ ông Hồ Phi Thư ký tên trong hợp đồng, có Hồ Thị ZuLy, sinh ngày 26/01/2003 (theo thông tin trên bản sao Giấy CMND lưu hồ sơ), tại thời điểm chứng thực hợp đồng thế chấp, Hồ Thị ZuLy chưa đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý”;* và theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ*

trường hợp luật có quy định khác”. Trong trường hợp này, Hồ Thị ZuLy chưa thành niên nên không tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, không phải đứng tên, ký vào hợp đồng thế chấp.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực tại UBND xã Trà Bùi đã đạt những kết quả nhất định. Về cơ bản, hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực này đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện; các sự kiện hộ tịch phát sinh trên địa bàn cơ bản được đăng ký kịp thời, đúng quy định pháp luật.

2. Những tồn tại, sai sót

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bùi còn vi phạm một số quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- 02 trường hợp (số đăng ký 01/2020, trong Sổ đăng ký kết hôn; số đăng ký 25/2020, trong Sổ đăng ký khai sinh), dùng bút tẩy xóa, sửa chữa nội dung thông tin, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- 02 trường hợp, đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch (số đăng ký 05, 06/2020), người đi đăng ký không ký tên vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Hộ tịch.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 07, 09/2020), đăng ký bổ sung thông tin người cha vào Giấy khai sinh của con vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- 03 trường hợp (số 06, 08, 10/2020), đăng ký thay đổi họ vi phạm quy định về điều kiện đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 14/2020), đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân, giấy cam đoan không có nội dung cam đoan về việc đã nộp đủ giấy tờ, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- 04 trường hợp (hồ sơ kết hôn số 10/2020; hồ sơ khai tử từ số 05 đến số 07/2020), công chức tư pháp - hộ tịch không ghi lại thông tin giấy tờ công dân xuất trình để lưu trong hồ sơ là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 04/2020/TT-BTP.

2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch ghi thông tin ngày mở Sổ, ngày khóa Sổ không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Trường hợp chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD, thành viên hộ gia đình chưa đủ 18 tuổi nhưng đứng tên, ký hợp đồng thế chấp, không đúng quy định tại khoản 4 Điều 21, khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Chủ tịch UBND xã là người có thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi các công việc này nhưng chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với việc giải quyết hồ sơ đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa kiểm tra chặt chẽ hồ sơ theo quy định pháp luật và hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bùi còn một số sai sót như đã nêu trên.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

1. Ủy ban nhân dân xã Trà Bùi

1.1. Trên cơ sở nội dung kết quả thanh tra và nhận xét, kết luận đã nêu tại Mục II, Mục III Kết luận thanh tra, UBND xã Trà Bùi tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót. Chủ tịch UBND xã tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp - hộ tịch trong việc tham mưu giải quyết các việc đăng ký hộ tịch và chứng thực đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc tham mưu lãnh đạo UBND thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực ở địa phương; tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để thực hiện tốt hơn việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

1.2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Về đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Thực hiện sửa chữa nội dung thông tin trong Sổ hộ tịch theo đúng quy định (số đăng ký 01/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn, số đăng ký 25/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh).

+ Bổ sung chữ ký của người đi đăng ký trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch (tại số đăng ký 05, 06/2020).

+ Bổ sung giấy tờ chứng minh người mẹ đã kết hôn với người được bổ sung thông tin vào Giấy khai sinh người con, đối với 02 trường hợp đăng ký bổ sung thông tin người cha vào Giấy khai sinh của con (hồ sơ số 07, 09/2020).

+ Bổ sung ý kiến của người cha vào Tờ khai đăng ký thay đổi hộ tịch đối với 03 trường hợp đăng ký thay đổi hộ tịch (hồ sơ số 06, 08, 10/2020).

+ Bổ sung Giấy cam đoan về việc đã nộp đủ giấy tờ đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (hồ sơ số 14/2020).

+ Bổ sung Giấy cam đoan về việc sinh trong đó ghi đầy đủ thông tin ngày tháng năm sinh của trẻ (hồ sơ số 09, 10, 16, 17, 19, 20, 36/2020).

- Về chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Ghi thông tin bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Rút kinh nghiệm đối với các trường hợp chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình; thành viên đứng tên, ký xác lập hợp đồng phải đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 21, khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã và công chức tư pháp - hộ tịch cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã và công chức tư pháp - hộ tịch phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất; cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch. Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *Người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.* Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. UBND xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng

Hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực trên địa bàn nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, tồn tại; đồng thời đề hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã thực hiện giải quyết các việc đăng ký hộ tịch đảm bảo đúng quy định pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Trà Bù tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Trà Bù phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (*qua Thanh tra sở*) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng;
- UBND xã Trà Bù, huyện Trà Bồng;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu